

Số: 57/2023/CBTT-TCO

Hải Phòng, ngày 31 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải
 - Mã chứng khoán: TCO
 - Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
 - Điện thoại liên hệ: 02253.978895 Fax: 02253.978895
 - E-mail: congbothongtin@tasagroup.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét và giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/08/2023 tại đường dẫn:

<http://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét và giải trình.

Đại diện tổ chức
Người được Ủy quyền Công bố thông tin



TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
Lê Khánh Toàn

Số: 55/CV-TASA DH - 2023

Hải Phòng, ngày 31 tháng 08 năm 2023

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD của
BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết
thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2022)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
- Mã chứng khoán: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.409.039.102	781.224.572.534	(760.815.533.432)	-97,39%
Giá vốn hàng bán	16.030.039.660	764.601.682.500	(748.571.642.840)	-97,90%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.378.999.442	16.622.890.034	(12.243.890.592)	-73,66%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.301.108.619	3.608.359.320	(307.250.701)	-8,51%
Chi phí tài chính	2.529.343	2.267.000.595	(2.264.471.252)	-99,89%
Chi phí bán hàng		1.905.236.947	(1.905.236.947)	-100,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.916.831.140	8.573.445.243	(3.656.614.103)	-42,65%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.760.747.578	7.485.566.569	(6.630.055.938)	-88,57%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.060.747.578	7.485.560.888	(4.424.813.310)	-59,11%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	628.065.515	1.515.032.177	(886.966.662)	-58,54%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.432.682.063	5.970.528.711	(3.537.846.648)	-59,26%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 giảm 59,26% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Trong 06 tháng đầu năm 2022, sản lượng cung cấp dịch vụ và doanh thu tăng đột biến do Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh mua bán xăng dầu của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ năng lượng Hoàng Gia (Công ty con). Cuối năm 2022, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (Công ty con). Trong 06 tháng đầu năm 2023, Công ty không có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ này.

Ngoài ra, tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu sản xuất kinh doanh cũng sụt giảm do các khách hàng không có đơn hàng xuất nhập khẩu.

Vì vậy, trong 06 tháng đầu năm 2023, sản lượng cung cấp dịch vụ giảm, doanh thu sản xuất kinh doanh hợp nhất giảm 97,39% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu 2023 giảm 73,66% so với 06 tháng đầu năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



A red circular stamp with the text "M.S.D.N:0200793081" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI" in the center, and "THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG" at the bottom. A blue handwritten signature is written over the stamp.

Phạm Duy

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 35

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Duy	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023 bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023 bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Việt Anh	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên độc lập	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trần Ái Trung	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Việt Anh	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Nam Hùng	Tổng Giám Đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2023
Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám Đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Duy	từ ngày 8 tháng 7 năm 2023
Ông Đàm Mạnh Cường	đến ngày 8 tháng 7 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Phạm Duy
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12948361/67607352/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		271.626.245.634	321.621.683.479
110	I. Tiền	4	862.887.428	1.983.025.208
111	1. Tiền		862.887.428	1.983.025.208
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		270.742.708.663	319.434.491.587
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	5.789.149.893	8.066.067.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	70.174.901.262	70.234.624.456
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	194.778.657.508	241.133.800.032
140	III. Hàng tồn kho		-	130.296.375
141	1. Hàng tồn kho		-	130.296.375
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		20.649.543	73.870.309
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	11.348.374	54.172.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	11	-	1.041.625
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	9.301.169	18.655.765
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.395.072.226	2.415.876.696
210	I. Khoản phải thu dài hạn		51.067.808.000	467.808.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	51.067.808.000	467.808.000
220	II. Tài sản cố định		780.543.207	842.986.659
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	780.543.207	842.986.659
222	Nguyên giá		1.323.944.547	1.323.944.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(543.401.340)	(480.957.888)
260	III. Tài sản dài hạn khác		546.721.019	1.105.082.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	546.721.019	1.105.082.037
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		324.021.317.860	324.037.560.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.552.626.379	14.782.386.520
310	I. Nợ ngắn hạn		14.537.626.379	14.767.386.520
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	2.180.829.481	2.407.511.941
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		187.522.032	193.182.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	927.687.587	774.297.198
314	4. Phải trả người lao động		724.356.108	1.657.558.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	588.377.600	671.758.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	8.116.680.954	8.121.704.502
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	1.812.172.617	941.374.075
330	II. Nợ dài hạn		15.000.000	15.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	15.000.000	15.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		309.468.691.481	309.255.173.655
410	I. Vốn chủ sở hữu		309.468.691.481	309.255.173.655
411	1. Vốn cổ phần	15.1	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	15.1	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	15.1	2.781.094.734	1.893.429.039
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.1	89.150.138.631	89.824.660.684
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		86.717.830.752	45.441.375.949
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.432.307.879	44.383.284.735
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15.5	500.525.016	500.150.832
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		324.021.317.860	324.037.560.175

Nguyễn Thu Thủy
Người lập

Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	20.409.039.102	781.224.572.534
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(16.030.039.660)	(764.601.682.500)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.378.999.442	16.622.890.034
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	3.301.108.619	3.608.359.320
22	5. Chi phí tài chính	18	(2.529.343)	(2.267.000.595)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(2.266.936.674)
25	6. Chi phí bán hàng	19	-	(1.905.236.947)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(4.916.831.140)	(8.573.445.243)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.760.747.578	7.485.566.569
31	9. Thu nhập khác		300.000.000	114
32	10. Chi phí khác		-	(5.795)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		300.000.000	(5.681)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.060.747.578	7.485.560.888
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(628.065.515)	(1.515.032.177)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		2.432.682.063	5.970.528.711
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2.432.307.879	5.300.432.390
62	17. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	15.5	374.184	670.096.321
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	15.4	126	275
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	15.4	126	275

Nguyễn Thu Thủy
Người lập
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.060.747.578	7.485.560.888
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9	62.443.452	730.226.472
04	Lãi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.979.046	(3.427.755)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.301.069.697)	(3.602.044.617)
06	Chi phí lãi vay		-	2.266.936.674
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(175.899.621)	6.877.251.662
09	Tăng các khoản phải thu		(23.617.820.855)	(44.369.560.745)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		130.296.375	(10.994.385.611)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.065.530.870)	(4.767.858.396)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		601.185.563	(103.656.039)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(2.266.936.674)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(663.093.328)	(2.928.662.655)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.348.365.695)	(899.493.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(26.139.228.431)	(59.453.301.458)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(5.668.882.912)
23	Tiền chi hợp tác kinh doanh		(104.700.000.000)	-
24	Tiền thu hồi hợp tác kinh doanh		116.700.000.000	-
27	Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư được nhận		13.021.069.697	2.044.617
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		25.021.069.697	(5.666.838.295)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	138.413.246.500
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(64.659.142.764)
36	Cổ tức đã trả		-	(13.110.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	73.740.993.736
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.118.158.734)	8.620.853.983
60	Tiền đầu kỳ		1.983.025.208	9.075.499.110
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.979.046)	3.427.755
70	Tiền cuối kỳ	4	862.887.428	17.699.780.848

Nguyễn Thu Thủy
Người lập

Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và kinh doanh xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 51 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 55).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (1) công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Logistic Tasa Duyên Hải	Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ logistic và vận tải	99,00	99,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất giữa niên độ toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất giữa niên độ cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất giữa niên độ được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Quỹ phát triển thị trường

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	223.762.844	611.361.768
Tiền gửi ngân hàng	639.124.584	1.371.663.440
TỔNG CỘNG	862.887.428	1.983.025.208

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất Nhập khẩu Trường Thịnh	404.861.617	3.004.861.617
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Hải Linh	-	679.054.000
Khác	5.384.288.276	4.382.151.482
TỔNG CỘNG	5.789.149.893	8.066.067.099

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận (*)	70.160.904.000	70.160.904.000
Khác	13.997.262	73.720.456
TỔNG CỘNG	70.174.901.262	70.234.624.456

(*) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận để thuê lại quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tỉnh Bình Thuận. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để nhận bàn giao lô đất trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	194.778.657.508	241.133.800.032
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	118.600.000.000	181.200.000.000
Đặt cọc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư (ii)	45.000.000.000	45.000.000.000
Tạm ứng nhân viên để thực hiện hoạt động kinh doanh	28.508.156.000	2.645.473.000
Lãi hợp tác đầu tư	2.400.000.000	12.120.000.000
Khác	270.501.508	168.327.032
Dài hạn	51.067.808.000	467.808.000
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	50.600.000.000	-
Ký quỹ	467.808.000	467.808.000
TỔNG CỘNG	245.846.465.508	241.601.608.032

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn đang trình triển khai đầu tư dự án như sau:

<i>Bên nhận hợp tác</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thời hạn hợp tác</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần IRIS Land	Góp vốn để đầu tư, nhận và phân phối sản phẩm bất động sản tại dự án Khu dân cư tỉnh Long An và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận	Không xác định thời hạn	54.100.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại TTRICE	Góp vốn đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án Nhà máy xay xát và kho dự trữ lương thực tọa lạc tại Tỉnh An Giang, Việt Nam	Ngày 3 tháng 6 năm 2021 và được gia hạn theo các phụ lục kèm theo đến ngày 3 tháng 12 năm 2023	30.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Gia Định	Góp vốn để bổ sung nguồn vốn hợp tác để nhận quyền ưu tiên cung cấp dịch vụ logistic và lợi nhuận theo thỏa thuận	Ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được gia hạn theo phụ lục kèm theo đến ngày 27 tháng 8 năm 2023	17.250.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH HV Investment	Góp vốn để bổ sung nguồn vốn hợp tác để nhận quyền ưu tiên cung cấp dịch vụ logistic và lợi nhuận theo thỏa thuận	Ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được gia hạn theo phụ lục kèm theo đến ngày 27 tháng 8 năm 2023	17.250.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Phú Thịnh	Góp vốn để bổ sung nguồn vốn hợp tác để nhận quyền ưu tiên cung cấp dịch vụ logistic và lợi nhuận theo thỏa thuận	Ngày 17 tháng 11 năm 2023 và ngày 18 tháng 11 năm 2023	-	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú	Góp vốn đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án bất động sản tọa lạc tại Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Ngày 26 tháng 4 năm 2022	-	5.600.000.000	5.600.000.000
TỔNG CỘNG			118.600.000.000	181.200.000.000	181.200.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (ii) Đây là khoản đặt cọc cho Ông Nguyễn Thanh Phong để nhận chuyển nhượng 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gavi. Vào ngày báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để nhận chuyển nhượng.
- (iii) Chi tiết các khoản hợp đồng đầu tư dài hạn đang trong quá trình triển khai đầu tư dự án như sau:

Bên nhận hợp tác	Nội dung	Thời hạn hợp tác	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Lê Quốc Huy Minh	Góp vốn đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án Tòa nhà văn phòng tọa lạc tại số 21 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ngày 3 tháng 4 năm 2053	30.000.000.000	-
Trần Lê Thái Minh	Ủy thác đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án bất động sản nông nghiệp tại Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Ngày 10 tháng 10 năm 2024	20.600.000.000	-
TỔNG CỘNG			50.600.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	11.348.374	54.172.919
Bảo hiểm	4.772.729	-
Khác	6.575.645	54.172.919
Dài hạn	546.721.019	1.105.082.037
Chi phí cải tạo văn phòng	182.776.832	385.576.033
Công cụ, dụng cụ	36.847.694	418.397.906
Khác	327.096.493	301.108.098
TỔNG CỘNG	558.069.393	1.159.254.956

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	31.348.182	43.727.274	1.248.869.091	1.323.944.547
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	31.348.182	43.727.274	-	75.075.456
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	(43.727.274)	(405.882.432)	(480.957.888)
Khấu hao trong kỳ	-	-	(62.443.452)	(62.443.452)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(31.348.182)	(43.727.274)	(468.325.884)	(543.401.340)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	-	842.986.659	842.986.659
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	-	780.543.207	780.543.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.096.225.900	624.822.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Việt Á	88.880.000	327.996.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TLS	-	333.396.000
Khác	995.723.581	1.121.297.941
TỔNG CỘNG	2.180.829.481	2.407.511.941

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.093.328	618.710.919	(663.093.328)	618.710.919
Thuế giá trị gia tăng	59.591.750	828.453.073	(641.412.388)	246.632.435
Thuế thu nhập cá nhân	51.612.120	321.112.962	(310.380.849)	62.344.233
TỔNG CỘNG	774.297.198	1.768.276.954	(1.614.886.565)	927.687.587
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.041.625	419.332.441	(420.374.066)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.655.765	-	(9.354.596)	9.301.169
TỔNG CỘNG	19.697.390	419.332.441	(429.728.662)	9.301.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí phải trả hàng tàu	<u>588.377.600</u>	<u>671.758.000</u>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	8.116.680.954	8.121.704.502
Cổ tức phải trả (*)	8.102.946.300	8.102.946.300
Phải trả khác	13.734.654	18.758.202
Dài hạn	15.000.000	15.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	<u>15.000.000</u>	<u>15.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.131.680.954</u>	<u>8.136.704.502</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	8.127.714.514	5.080.004.262
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	3.966.440	3.056.700.240

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc gia hạn thời gian thanh toán cổ tức đến ngày 29 tháng 9 năm 2023.

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	941.374.075	162.863.107
Trích lập	1.331.498.542	1.423.295.968
Sử dụng quỹ	<u>(460.700.000)</u>	<u>(211.500.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.812.172.617</u>	<u>1.374.659.075</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	187.110.000.000	29.926.933.100	944.565.060	-	56.246.799.875	274.228.298.035
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.300.432.390	5.300.432.390
Phân phối lợi nhuận	-	-	948.863.979	948.863.979	(3.321.023.926)	(1.423.295.968)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(687.993.000)	-	(687.993.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	260.870.979	58.226.208.339	277.417.441.457
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.432.307.879	2.432.307.879
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	887.665.695	887.665.695	(3.106.829.932)	(1.331.498.542)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(887.665.695)	-	(887.665.695)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	89.150.138.631	308.968.166.465

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ phát triển thị trường với số tiền lần lượt là 887.665.695 VND, 1.331.498.542 VND và 887.665.695 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
---	---

Vốn cổ phần

Số đầu kỳ và số cuối kỳ	187.110.000.000	187.110.000.000
-------------------------	-----------------	-----------------

15.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu

<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------

Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000	18.711.000

15.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
---	---

Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.432.307.879	5.300.432.390
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(72.980.462)	(153.950.232)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	2.359.327.417	5.146.482.158
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.711.000	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh	18.711.000	18.711.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	126	275
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	126	275

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	500.150.832	35.564.107.144
Lợi nhuận thuần trong kỳ	374.184	670.096.321
Số cuối kỳ	<u>500.525.016</u>	<u>36.234.203.465</u>

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Doanh thu dịch vụ bãi	18.619.670.568	13.298.468.309
Doanh thu vận tải	1.215.552.200	9.206.454.579
Doanh thu cước vận tải biển	553.816.334	40.745.914.271
Doanh thu bán hàng hóa	-	717.973.735.375
Doanh thu khác	20.000.000	-
DOANH THU THUẦN	<u>20.409.039.102</u>	<u>781.224.572.534</u>

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.300.000.000	3.600.000.000
Lãi tiền gửi	1.069.697	3.491.676
Khác	38.922	4.867.644
TỔNG CỘNG	<u>3.301.108.619</u>	<u>3.608.359.320</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn dịch vụ bãi	14.506.285.734	11.237.603.257
Giá vốn dịch vụ vận tải	1.067.371.181	8.400.504.219
Giá vốn cước vận tải biển	456.382.745	34.409.294.270
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	710.554.280.754
TỔNG CỘNG	<u>16.030.039.660</u>	<u>764.601.682.500</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.979.046	63.921
Lãi vay	-	2.266.936.674
Khác	550.297	-
TỔNG CỘNG	<u>2.529.343</u>	<u>2.267.000.595</u>

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	-	1.905.236.947

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	3.201.987.429	5.374.692.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.558.495.080	1.589.592.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.443.452	730.226.472
Khác	93.905.179	878.933.679
TỔNG CỘNG	<u>4.916.831.140</u>	<u>8.573.445.243</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.990.603.208	55.847.508.155
Chi phí nhân viên	5.573.508.429	7.279.929.882
Giá vốn công cụ, dụng cụ	1.226.410.532	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.443.452	730.226.472
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	710.554.280.754
Chi phí khác	93.905.179	668.419.427
TỔNG CỘNG	<u>20.946.870.800</u>	<u>775.080.364.690</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>628.065.515</u>	<u>1.515.032.177</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.060.747.578	7.485.560.888
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	612.149.516	1.497.112.177
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	15.915.999	17.920.000
Chi phí thuế TNDN	628.065.515	1.515.032.177

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải Ông Phạm Duy	Công ty con Chủ tịch, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023) Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023) Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023), Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cố đồng lớn (đến ngày 10 tháng 5 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Năm	Công ty có liên quan đến Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Công ty có liên quan đến Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Quý Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quý Hợp lực)	Công ty có liên quan đến Chủ tịch (đến ngày 16 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Công ty có liên quan đến Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tazon	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Oriental Cove	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần AllFarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Thương mại DeliFarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát	Công ty có liên quan đến Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư IR Việt Nam	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ Quy Nhơn	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kita Group	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	Cổ tức phải trả	2.052.000	2.052.000
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	Cổ tức phải trả	1.914.440	1.914.440
Ông Nguyễn Duy Đình	Cổ đông lớn (đến ngày 10 tháng 5 năm 2023)	Cổ tức phải trả	-	1.588.719.200
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Cổ tức phải trả	-	1.464.014.600
			3.966.440	3.056.700.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND	
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	63.000.000	63.000.000
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	48.000.000	48.000.000
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023), Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	298.760.000	282.687.000
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	30.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	30.000.000	28.000.000
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	92.584.000	69.080.000
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	171.766.000	165.427.000
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị	151.880.000	145.339.000
Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023) Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	-	-
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023) Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023)	-	-
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		885.990.000	829.533.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	3.074.008.000	3.164.808.000
Từ 1 đến 5 năm	-	1.526.004.000
TỔNG CỘNG	3.074.008.000	4.690.812.000

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh thương mại	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	20.439.039.102	-	(30.000.000)	20.409.039.102
Doanh thu bộ phận	20.439.039.102	-	(30.000.000)	20.409.039.102
Chi phí bộ phận	(20.976.870.800)	-	30.000.000	(20.946.870.800)
Lợi nhuận bộ phận	(537.831.698)	-	-	(537.831.698)
Thu nhập tài chính				3.298.579.276
Thu nhập khác				300.000.000
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(628.065.515)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				2.432.682.063
Tài sản bộ phận	421.326.817.860	-	(97.305.500.000)	324.021.317.860
Nợ phải trả bộ phận	62.358.126.379	-	(47.805.500.000)	14.552.626.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND			
	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh thương mại	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	63.250.837.159	717.973.735.375	-	781.224.572.534
Doanh thu bộ phận	63.250.837.159	717.973.735.375	-	781.224.572.534
Chi phí bộ phận	(61.069.915.776)	(714.010.448.914)	-	(775.080.364.690)
Lợi nhuận bộ phận	2.180.921.383	3.963.286.461	-	6.144.207.844
Thu nhập tài chính				1.341.358.725
Chi phí khác				(5.681)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.515.032.177)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				5.970.528.711
Tài sản bộ phận	323.175.860.852	198.998.627.575	(72.000.000.000)	450.174.488.427
Nợ phải trả bộ phận	11.027.885.816	125.494.957.689	-	136.522.843.505

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với cá nhân để nhận chuyển nhượng 90% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập



Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2023